TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST Ngày: 07/ 9/ 2017 "V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;

2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2017/TLST - HNGĐ ngày 10/4/2017 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang A, sinh năm 1975, nơi cư trú: số 146/75, tổ 20, khóm A, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1961, nơi cư trú: số 146/75, tổ 20, khóm A, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông A, bà T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 10/4/2017, nguyên đơn ông Trần Quang A trình bày: Vào năm 2006, ông và bà T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và tiến đến chung sống với nhau như vợ chồng. Đến năm 2010, ông A và bà T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Châu Phú A theo giấy chứng nhận kết hôn số 221/HT, quyển số 01/2010, cấp ngày 25/10/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do bà T cờ bạc, nợ nần, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần ông đã khuyên ngăn nhưng bà T không thay đổi nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngô Thị T trình bày: Thống nhất với lời khai của ông A về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Trước khi sống chung với ông Ảnh bà đã có 01 đời chồng và có một con riêng. Sau khi chồng bà chết, bà mới sống chung với ông A từ năm 2006, con riêng của bà do người chị gái nuôi dưỡng từ trước khi sống chung với ông A. Thường ngày, bà làm thuê kiếm sống, bà xác nhận có nợ tiền của một số người, nhưng số tiền không lớn. Số nợ này bà hứa sẽ cố gắng trả. Bà còn thương ông A nên không đồng ý ly hôn. Bà và ông A không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: ông A và bà T có đăng ký kết hôn nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn ông A khởi kiện ly hôn, nhưng bà T không chấp nhận ly hôn và qua xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Châu Phú A và tại Ban khóm 4, phường Châu Phú A thì gia đình bà T với ông A có mâu thuẫn nhưng ít khi xảy ra cãi vã và ông A không có hành vi đánh đập hay ngược đãi bà Tuyết. Do đó, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn hàn gắn được vì vậy đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông A và bà T xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Ông Trần Quang A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông A và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Châu Phú A theo giấy chứng nhận kết hôn số 221/HT, quyển số 01/2010, cấp ngày 25/10/2010 nên hôn nhân giữa ông A và bà T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông A yêu cầu ly hôn bà T vì cho rằng bà Tuyết thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần ông đã khuyên ngăn nhưng bà Tuyết không thay đổi. Bà Tuyết thừa nhận vợ chồng có cải vả, nguyên nhân là do bà có nợ một số người, nhưng số tiền nợ không lớn, bà hứa cố gắng trả nợ. Bà T cho rằng vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy tại phiên tòa, bà T thừa nhận vợ chồng thường xuyên cải vả, nguyên nhân là do bà nợ nần. Hội đồng xét xử đã phân tích các điều kiện để vợ chồng hàn gắn, nhưng ông A vẫn cương quyết xin ly hôn. Tuy đây không phải là điều kiện cho ly hôn, nhưng xét thấy nếu miễn cưỡng sống chung cũng không đem lại hạnh phúc cho ông A và bà T. Xét hôn nhân của ông A, bà T tuy chưa đến mức trầm trọng, nhưng vợ chồng không còn yêu thương nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A, ông A được ly hôn với bà T.

Quá trình chung sống, ông A và bà T không có con chung, nợ chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, ông Trần Quang A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quang A

Ông Trần Quang A được ly hôn với bà Ngô Thị T.

Về án phí: Ông Trần Quang A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0007336 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, ông A đã nộp đủ án phí.

Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông A, bà T có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc